

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 31

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh canh cá lóc, bầu, nấm bào ngư, rau răm, xà lách búp, hạt cà ri
- Uống sữa Netsure
Com trắng
- Thịt bò kho củ cải, hành baro
- Canh cua đồng nấu rau đay, nấm kim châm, mướp, hành lá
Xế: Nước cam
Xế chiều: Súp lươn, khoai lang, su su, đậu hà lan tươi, trứng gà, bột năng, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	400	3,880	15,520
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	8,400	4,200
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	N0850	Mỡ heo sống	200	10,300	20,600
9	N0753	Bánh canh	500	2,860	14,300
10	N0861	Dầu màu điều	20	42,900	8,580
11	0083	Bầu	200	4,730	9,460
12	N0778	Nấm bào ngư	100	13,130	13,130
13	0170	Rau răm	20	5,150	1,030
14	0172	Rau xà lách	100	9,140	9,140
15	0103	Củ cải trắng	200	3,150	6,300
16	0286	Thịt bò loại II	1,200	36,750	441,000
17	0136	Mướp	300	4,520	13,560
18	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
19	0152	Rau đay	300	6,300	18,900
20	0407	Cua đồng	300	19,430	58,290
21	0649	Bột năng	300	4,675	14,025
22	0113	Đậu Hà Lan	50	89,670	44,835
23	0031	Khoai lang	200	4,200	8,400
24	0180	Su su	200	4,100	8,200
25	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
26	0214	Cam sành	1,000	5,040	50,400

27	0411	Lươn	300	25,410	76,230
28	0457	Sữa bột toàn phần	564.12	20,500	115,645
29	0424	Tôm sú	300	30,980	92,940
Tổng cộng					1,147,000

Tổng tiền thực phẩm	1,147,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,147,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	20,202,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	20,202,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan